

HƯỜNG THỤ VĂN HOÁ VÀ VĂN HOÁ HƯỜNG THỤ

HÀ MINH ĐỨC*

Nói đến văn hóa chính là nói đến con người, đến trình độ, phẩm chất, năng lực sáng tạo của con người. Không thể nói đến văn hóa khi con người chưa thoát khỏi lối thú hoang dại. Phải trải qua hàng ngàn hàng vạn năm những yếu tố hoang dã, thú tính, mới dần được loại bỏ. Khi ý thức dần phát triển, những yếu tố đầu tiên của ngôn ngữ được sử dụng, sự tập hợp bầy đàn dần có tổ chức hơn và những dấu hiệu của xã hội với hình thức đơn giản sơ khai nhất được xác lập là một bước phát triển rất đáng kể của con người. Ph. Ăngghen đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của *nhân tố xã hội*, yếu tố quyết định sự phát triển của con người. Phân biệt sự khác nhau giữa con người và loài vật C.Mác cũng như Ph.Ăngghen đều đặc biệt chú ý đến hai yếu tố là *trí tưởng tượng* và *ý thức hướng về cái đẹp*. Con người trong tư duy đã xuất hiện yếu tố tưởng tượng, một hình ảnh ảo tách khỏi thực thể và như có sức sống riêng thúc đẩy con người vươn tới: Các Mác cũng nhấn mạnh là “con người sáng tạo theo những quy luật của cái đẹp”. Những phẩm chất trên quyết định đến sự phát triển văn hóa. Và ở mỗi con người đó là những phẩm chất của nghệ sĩ, sáng tạo nên các giá trị văn hóa Goooc-ki đã chỉ ra đặc điểm này “Con người bẩm sinh đã là một nghệ sĩ. Ở đâu nó cũng cố gắng bằng cách này hoặc cách khác đưa cái đẹp vào cuộc sống của mình. Nó không muốn làm con vật chỉ biết ăn, uống và sinh con đẻ cái một cách khá vô ý thức gần như máy móc. Nó đã tạo nên xung quanh mình một thiên nhiên thứ hai gọi là văn hóa”(1).

Quá trình nhân hóa diễn ra đối với con người thể hiện qua nhiều yếu tố: nâng cao ý thức xã hội, các giác quan dần loại bỏ tính chất thuần bản năng và có tính xã hội. Chính Ăngghen đã lần lượt chỉ ra từ lỗ tai, con mắt người so với một số loài vật tuy thua kém về cường độ tự nhiên nhưng lại có những phẩm chất mới, năng lực mới trong phân tích và cảm nhận vấn đề và hiện tượng xã hội “Những *cảm giác* có khả năng về những sự hưởng thụ có tính *chất người* và tự khẳng định mình như

* GS. Viện Văn học.

những lực lượng bản chất của con người”. Thị hiếu thẩm mỹ do đó cũng nảy sinh đi đôi với quá trình phát triển của những cảm xúc thẩm mỹ.

Nghệ thuật ra đời với những hình thức giàu tính gợi cảm và cụ thể như nhảy múa, âm nhạc, ngôn từ... Và điều quan trọng là nghệ thuật đã đem lại niềm vui cho con người như chính C. Mác đã có lần nhận xét “Nghệ thuật là niềm vui lớn mà con người có thể đem lại cho mình”. Tiếp nhận, thưởng thức, hưởng thụ văn hóa với nhiều hình thức và cấp độ ở nhiều dân tộc đều mang tính chất lành mạnh đem lại niềm vui cho con người và góp phần phát triển xã hội theo một ý nghĩa nào đó. Ngọn lửa bập bùng trong những lễ hội, những thanh âm của một cây sáo tre sáo trúc, của chiếc tù và làm từ sừng trâu đều dễ tạo niềm hứng khởi. Điệu hát hò trong lao động khiêng gỗ, kéo thuyền thực sự đem lại niềm vui lành mạnh. Comdominas nhà dân tộc người Pháp lăn lộn trên hai chục năm ở làng Sarluk (Tây Nguyên) đã viết nên cuốn sách nổi tiếng *Chúng tôi ăn rừng* giới thiệu nhiều mặt của văn hóa Tây Nguyên. Điều theo ông nói làm ông *sốc* khi phát hiện ra chiếc đàn đá đầu tiên ở Việt Nam. Thơ sơ, đơn giản nhưng thanh âm vang vọng đủ diễn tả nhiều làn điệu. Tất cả đã nói lên con người xa xưa đã có nhu cầu hưởng thụ văn hóa và các phương tiện hoạt động văn hóa văn nghệ đã đáp ứng được một phần. Xa hơn, cao hơn là khả năng liên kết những giá trị riêng lẻ thành hợp xướng chung của cả một vùng, một miền đất như *Cồng chiêng Tây Nguyên*. Sự hưởng thụ văn hoá lúc này đã hướng tới sự hài hòa cái đẹp, sự linh thiêng, khung cảnh thiên nhiên và hoạt động nghệ thuật của con người. Ngày nay nhiều dân tộc vẫn khai thác có hiệu quả những giá trị nghệ thuật xa xưa cho đời sống hiện tại. Bên cạnh những tác phẩm nghệ thuật cổ đại quen thuộc là những sáng tác gắn liền với đời sống bản năng của con người. Người phụ nữ vốn được xem là cội nguồn của giống loài, của sự sinh sôi nảy nở, của các nguồn lạc thú đã được khai thác nhiều trong sáng tác nghệ thuật mà tượng Vénus de Milo là một dẫn chứng. Chuyện xưa kể rằng có một thầy giáo chán đời, không thiết tha với cuộc sống, sau khi chiêm ngưỡng tượng Vénus de Milo đã đổi thay hẳn tính tình trở nên yêu đời và lạc quan hơn. Vẻ đẹp của cơ thể phụ nữ của những tập tục thờ cúng sinh thực khí và của những hoạt động tình dục được mô phỏng và tái hiện trong một số lễ hội đã nói lên điều đó. Con người bên cạnh phần thanh khiết của đời sống tinh thần không tránh khỏi bị ám ảnh bởi nhu cầu có tính bản năng lúc này lúc khác. Đó là những ham muốn khoái lạc trong ăn uống, chơi bời, ham muốn tình dục, hành lạc. Cái mà Freud khám phá về những ẩn ức sinh lý về libido là có căn cứ thực tế. Đó là điều hiển hữu là bức xúc nội tại ở mỗi con người trong cấu tạo giữa *ý thức* và *bản năng, tinh thần và thể xác, cái súc vật và cái xã hội*. Ăngghen đã chỉ ra sâu sắc hiện trạng này: “Nhưng bản thân cái sự kiện là con người là từ loài động vật mà ra cũng đã quyết định việc con người không bao giờ hoàn toàn thoát ly khỏi những đặc tính vốn có của con vật, thành thử bao giờ cũng chỉ có thể nói đến việc những đặc tính ấy có nhiều, đến sự chênh lệch về mức độ thú tính và tính người mà thôi”⁽²⁾.

Như thế rõ ràng mỗi con người bình thường đều có thể có một phần bản năng thú tính tồn tại. Nếu ý chí vững chắc, lối sống lành mạnh thì phần bản năng bị hạn chế, con người xã hội phát triển và có thể có những đóng góp hiệu quả cho cộng đồng. Nếu trong bản thân con người chứa chất nhiều mâu thuẫn, còn đam mê lạc thú, còn khao khát sự buông thả thì dễ tạo cơ hội cho thú tính

phát triển. Nói cho công bằng thì bản năng không phải bao giờ cũng phản cảm, cũng gây đau khổ, mất mát cho con người. Bản năng được chiều chuộng, vượt ve, chăm sóc dễ tạo khoái cảm, nhất là bản năng thoát khỏi sự kiềm chế của lý trí và không mang tính người. Cũng vì thế mà trong những luận điểm của mình C.Mác, Ph. Ăngghen luôn chú ý đến tính người, phẩm chất người trong những quan hệ với xã hội và tự nhiên. Một đôi mắt biết tiếp nhận cái đẹp, lỗ tai biết lắng nghe và nhạy cảm về âm nhạc chắc chắn không phải chỉ là sản phẩm tự nhiên mà là sản phẩm có ý nghĩa xã hội. Các giác quan từ chỗ bản năng đã mang tính người biết nhận biết và hưởng thụ với tư cách con người. Các Mác chỉ ra quá trình chuyển biến, đổi thay qua những hiện tượng cụ thể như giác quan mang tính động vật chuyển sang giác quan mang tính người qua những chuyện như ăn uống, quan hệ tình dục... Ăn uống là nhu cầu thiết yếu đảm bảo sinh tồn, một trong “tứ khoái” theo lối nói dân dã. C. Mác chỉ ra một thực tế là khi con người ta rơi vào tình trạng bị bỏ đói, quá đói thì ăn uống trở nên thô lỗ, ngấu nghiến chẳng khác gì loài vật. Rõ ràng có cách ăn uống thanh cảnh của con người tránh “miếng ăn là miếng nhục”, “miếng ăn quá khẩu thành tàn” và phải biết “ăn trông nổi ngồi trông hưởng”. Chuyện ăn uống là chuyện hàng ngày nhưng cũng chứa đựng nhiều ham muốn bức xúc nhất là với miếng ăn ngon. Ở đây cũng bộc lộ cách ứng xử của con người. C.Mác cũng nói đến quan hệ tính dục như quy luật tái sinh của con người. Ý nghĩa cao đẹp của nó tạo ra sự kế tiếp thế hệ và chính nó cũng là một trò khoái lạc. Từ những người dưới đáy xã hội như Chí Phèo, Thị Nở cũng lao vào những cuộc tình bản năng cho đến vua chúa với hàng trăm cung tần mỹ nữ để hành lạc. C.Mác cũng yêu cầu trong quan hệ tính giao phải mang tính người, hợp với đạo lý và ứng xử của con người khác với kiểu giao hợp bày đàn của các loài thú. Quá trình chọn lựa từ quan hệ hôn nhân còn lẫn lộn giữa anh em cùng thế hệ đến quan hệ hôn nhân một vợ một chồng là cả một chặng đường phát triển của nhân loại. Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Nguồn gốc gia đình tư hữu và Nhà nước* đã chỉ ra quá trình phát triển đó của nhân loại. Như thế trong thực tế đã có cái gọi là “bản năng”, “thú tính” chỉ phối đến hoạt động tinh thần của con người. Trong luận điểm của C.Mác “Trong tính hiện thực của nó con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”. Luận điểm sâu sắc đó mở ra nhiều vấn đề nhưng cần bổ khuyết thêm phần chi phối của *tâm linh* và *bản năng* với con người. Tôn giáo khá nhạy cảm với chuyện này nên đã dồn ép thể xác vào một khu vực có thể kiểm soát, chế ngự được. Trong nhiều thế kỷ của thời kỳ Trung cổ được gọi là các thế kỷ của Tu viện nhiều giáo phái khổ hạnh phát triển. Thể xác con người không được phát triển tự nhiên mà con người của giáo phái phải hành xác, ép xác. Nhiều tác phẩm văn nghệ đã phản ánh cuộc sống khổ hạnh của các vị tu hành. Hồi giáo lại có những cấm kỵ riêng đặc biệt nghiêm ngặt với đời sống của người phụ nữ. Cho đến nay ở một số nước Hồi giáo như Ả-rập Xêút, Ănggixtăng vẫn còn tệ nạn bắt người phụ nữ phải che mặt, mặc áo chùng đen dài khi đi ra đường hoặc đến các công sở, trường học. Một số phụ nữ tân tiến du học ở các nước phương Tây đã từ bỏ và tìm đến sự lựa chọn mới hiện đại. Đạo Phật cũng xem dục vọng là nguồn gốc của mọi đau khổ. Phải diệt dục, những dục vọng thường thấy như

óc tà dâm, ý thức chiếm đoạt của người, tính ích kỷ... Những người theo đạo Phật phải thường xuyên tự tu dưỡng ăn chay niệm Phật, tìm cách thoát tục. Chùa chiền là một không gian tĩnh lặng như thoát khỏi những cảnh đời ngoài kia. Trong cái vắng vẻ, tĩnh mịch chỉ còn những âm thanh đêm đêm vang vọng, tiếng mõ và giọng cầu kinh, làm dịu xuống những tham vọng, dục vọng còn vương vấn trong cuộc sống hàng ngày. Nhà thơ Huy Cận tác giả bài thơ *Các vị La Hán chùa Tây Phương* có lần nói vui: “Tôi tôn sùng đạo Phật nhưng không thích diệt dục vọng”⁽³⁾.

Tôn giáo đã góp phần tạo nên nhiều kỳ tích trong nghệ thuật nhất là về kiến trúc đền đài. Khi một tôn giáo trở thành quốc giáo, nhất là trong điều kiện quốc gia thịnh trị, có quyền uy thì sự kết hợp giữa hai lực lượng này dễ tạo nên một sức mạnh đáng kể. Những ngôi đền lớn ở Ấn Độ, chùa Vàng ở Miến Điện, Ăngko Thom và Ăngko Vat ở Campuchia đều là những công trình kiến trúc nổi tiếng của quốc gia và mang tầm của thời đại. Tôn giáo cũng góp phần tạo nên những hình tượng thiêng của thần thánh làm đề tài cho hội họa, điêu khắc, âm nhạc. Những tòa nhà lớn của các nhà thờ Thiên chúa giáo ở thời thịnh vượng nhất của đạo Chúa vẫn còn ghi lại nhiều kiệt tác về hội họa của các danh họa. Thời kỳ trung cổ có những thành tựu cao, gắn với sự tôn vinh những hình tượng tôn giáo và thể hiện chủ yếu qua kiến trúc, điêu khắc, hội họa... Tuy nhiên, sự tiếp nhận hưởng thụ văn hóa lại có nhiều hạn chế. *Kinh Thánh, kinh Phật, kinh Cô-ran* giàu giá trị nhân bản nhưng chủ yếu vẫn là lời cầu nguyện an ủi kiếp người đau khổ. Không tránh khỏi sự hà khắc, khổ hạnh, trong hoạt động văn nghệ do nhiều quy chế gò bó, nhiều cấm kỵ. Con người không được miêu tả như một nhân cách xã hội mà chỉ là một bóng phụ thuộc vào lực lượng bên trên vào những định kiến hà khắc của xã hội. Phải đến thời kỳ Phục Hưng thì mọi giá trị nhân bản mới được phục hồi. Hưởng thụ văn hóa văn nghệ chỉ có thể có khi những tác phẩm chứa đựng sức sống, niềm vui của cuộc đời, khi có sự hòa đồng bình đẳng giữa người thưởng thức và nhân vật. Khi nhân vật trong tác phẩm đứng trên thế cao, xa lạ, bí ẩn không thể và khó tạo nên giao cảm. Trong nhân vật yếu tố người bị xem nhẹ, thiếu định hướng, thiếu môi trường nhân ái. Một mặt những nhu cầu nhân bản nhất, bản năng nhất không được thỏa mãn. Trở lại những giá trị quen thuộc, vấn đề hưởng thụ văn hóa luôn là nhu cầu gần gũi và thiết yếu trong cuộc sống. Đối với mỗi cá nhân hưởng thụ văn hóa góp phần hoàn thiện con người, tạo điều kiện cho cá nhân phát triển nhưng không dễ dàng vì tự mình không thể tạo nên và có được những điều kiện cần thiết. Đối với cộng đồng sự hưởng thụ đầy đủ về hoạt động văn hóa văn nghệ cũng phải trải qua nhiều giai đoạn, khắc phục những trở ngại về quan điểm nhận thức, nhân sinh và phong tục tập quán còn trì trệ. Những quan niệm lạc hậu của đạo đức phong kiến phương Đông như *nam nữ thụ thụ bất thân, nhất nam viết hữu thập nữ viết vô, nữ nhân nan hoá...* thực chất là những ngăn cách vô lý về đạo lý và giao tiếp xã hội. Xã hội Việt Nam thời kỳ 1930-1945 bắt đầu chấp nhận cho những cải cách về sinh hoạt xã hội. Các rạp hát và rạp chiếu bóng mọc lên. Cải cách y phục, thời trang được chấp nhận với những kiểu mới mới. Con gái có thể mặc áo tắm trên bãi biển, đánh tennis, tham dự vũ hội. Trong tác phẩm *Số*

đỏ Vũ Trọng Phụng đã có thể sáng tạo các kiểu mốt quần áo tiên tiến đi trước thời cuộc. Tuy nhiên chúng ta cũng chưa có một cuộc cách mạng triệt để chống tư tưởng phong kiến. Người phụ nữ vẫn chưa thực sự được giải phóng. Quan hệ nam nữ ngoài xã hội và trong nghệ thuật còn nhiều ngăn cách. Điện ảnh Trung Quốc cũng như Việt Nam do di chứng còn lại của xã hội phong kiến, do nghèo khổ và chiến tranh kéo dài nên suốt mấy chục năm trên sân khấu và điện ảnh theo các đạo diễn nhận xét là không có một nụ hôn nhân sinh và nghệ thuật chân thực thoả đáng. Nghèo khổ thực sự đã kìm hãm văn hoá phát triển và sự hưởng thụ văn hoá chắc chắn là hạn chế. Chiến tranh là thời điểm không thích hợp cho sự phô bày cái đẹp trong cuộc sống. Phải giữ nếp sống bình dị, tiết kiệm, khắc khổ cho phù hợp với nếp sống thời chiến. Cũng vì thế khi chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất và bước đầu có những giao lưu hòa nhập với quốc tế thì hưởng thụ văn hóa có xu hướng phát triển, tiếp nhận có khi ô ạt như bù lại những gì trước đây bị thiếu thốn, thiệt thòi. Du nhập karaoke từ Nhật Bản và biến dạng, các loại matxa của Thái Lan, các hình thức ẩm thực xa xỉ của Trung Quốc, các sân tennis và sân golf mọc lên khắp nơi, các sàn khiêu vũ sáng đèn đêm đêm, cave, gái nhảy trở thành nghề nghiệp và những kẻ giàu có, có quyền chức ném tiền chùa qua cửa sổ. Đó không phải là văn hóa mà là văn hóa biến dạng. Sân khấu ca nhạc sôi nổi nhưng pha tạp và thị hiếu chung không được nâng cao. Có nhạc vàng, nhạc đỏ, rốc ba-lát, rôi rốc thét, rốc điên. Hoạt động trình diễn ưa phô trương, giạt gân tìm cái lạ hơn là chú ý sự chân thực, bề sâu của sự việc và nhân vật. Hưởng thụ văn hóa có xu hướng lệch lạc chạy theo “văn hóa hưởng thụ” mà thực chất là mặt tiêu cực của văn hóa Mỹ và một số nước phương Tây. Văn hóa Mỹ và phương Tây là văn hóa của một số nước lớn, có truyền thống, có tiềm lực phát triển đa chiều phục vụ cho nhiều thị hiếu lành mạnh có, phức tạp có. Đã có nhiều lối sống lạ ở Mỹ, có lối sống Hippy mê nhạc Rock để tóc dài, ăn mặc lơ lửng. Họ sống theo xu hướng tự do tuyệt đối “thích gì làm nấy” đi ngược lại lối sống nghiêm túc của cha mẹ và xem nhẹ tinh thần công dân. Họ chủ trương làm tình chứ không đi đánh nhau trong những năm chiến tranh đòi tự do tình dục rồi cách mạng tình dục. Lại có hội chứng cao bồi mang tính chất anh hùng cá nhân, độc đáo khoa trương, kinh dị. Văn hoá Mỹ có điều kiện đã đẩy các hoạt động văn hóa văn nghệ vươn lên đỉnh cao do biết thu hút chất xám từ các dân tộc, rồi đầu tư lớn cho văn hóa, tạo nhiều cái mới cái lạ, cái không bình thường, tạo nên những phấn khích trong tiếp nhận thưởng thức nghệ thuật. Không thiên về dạy dỗ, giáo huấn, không thiên về lý thuyết dông dài mà chú ý thuyết phục bằng hành động hấp dẫn và lôi kéo người đọc, người xem theo những chủ đích có sẵn. Văn hóa Mỹ nặng tính hưởng thụ, lấy hưởng thụ làm yếu tố kích thích lôi cuốn. Trường hợp như điện ảnh Mỹ có xu hướng lấn át điện ảnh nhiều nước phương Tây như điện ảnh Pháp, Ý. Điện ảnh Mỹ đầu tư lớn vào các tác phẩm từ đề tài lịch sử đến đề tài hiện đại. Những tác phẩm về lịch sử như Ben-hua, Samson Dadyla, Nữ hoàng Klê-ô-pat đều hoành tráng, hấp dẫn và được đầu tư nhiều chục triệu đô la. Những tác phẩm điện ảnh loại phim kinh dị như *Khủng long*, *Người dơi*, *Kinh Kông*, *Xác ướp Ai Cập* gây căng thẳng, ly kỳ với trình độ kỹ xảo cao. Rồi loại cảm dỗ tình dục cũng có nhiều dạng tìm tòi cái mới cái lạ

thỏa mãn các loại thị hiếu. Văn hóa Mỹ phong phú, kỳ lạ, xô bồ đòi hỏi sự lựa chọn trong tiếp nhận. Một trong xu hướng của văn hóa Mỹ là tính chất thương mại hóa, có khả năng lấn át nhiều nền văn hóa các dân tộc biểu hiện của sự bành trướng và xâm lăng văn hóa. Không có tiếng súng, không ép buộc mà tạo hiệu quả xâm lược nhất là với các nền văn hóa nghèo khổ, văn hóa khô lạnh vì tôn giáo và chiến tranh, văn hóa mang nặng tính giáo điều.

Nhìn chung lại trong bước phát triển mới của các dân tộc trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa cần khẳng định một số nguyên tắc: *Phải giữ vững bản sắc dân tộc trong giao lưu quốc tế*. Thực tế là hiện tượng giao lưu văn hóa ngày càng nhiều của các nền văn hóa và tiếp theo là những ảnh hưởng, tiếp nhận những giá trị phù hợp. Trong lịch sử dân tộc văn hóa Việt Nam đã từng tiếp nhận văn hóa Trung Hoa rồi văn hóa Pháp và một phần văn hóa Mỹ. Chọn lọc những giá trị thích hợp của nước ngoài giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc là một nguyên tắc bền vững lâu dài. Văn hóa các dân tộc trong quá trình phát triển nhất là với một số dân tộc được xem là nước lớn, kinh tế phồn vinh như Mỹ, Anh, Pháp thường có xu hướng muốn phổ biến thậm chí áp đặt văn hóa của nước mình đến những nước khác. Nhật Bản trong thời kỳ xâm chiếm Việt Nam cũng phổ biến cho thanh niên lối sống của võ sĩ đạo: cạo trọc đầu đi giầy ủng cao, đeo gươm dài, đeo kính trắng. Trừ một số tay chân bắt chước còn đa số thanh niên cũng thờ ơ không chấp nhận. Ngay những nước nhỏ hơn như Hàn Quốc, văn hoá chưa được xem là chuẩn mực trong vùng cũng có ý thức muốn phổ biến lối sống của mình ở Việt Nam qua thời trang, phim ảnh, ẩm thực. Một số nam nữ thanh niên bông bột thích loại thời trang lạ của Hàn Quốc, nữ thì nhuộm tóc đỏ, tóc xanh, nam thì vuốt tóc ngược hoặc rũ tóc rối và xem là mốt. Cha ông ta ngay từ thời Nguyễn Trãi đã phê phán tính chất ngoại lai bắt chước người Ngô, người Xiêm trong ăn vận nói năng.

Bản sắc dân tộc không phải là bất biến nhưng đó là cái gốc bền vững ngày càng được bồi đắp thêm phong phú qua thời gian.

Tiếp nhận văn hóa phải có tính giải trí hưởng thụ về tinh thần, vật chất, đem lại sự phấn khởi, sung sướng cho người xem, người đọc, người tham dự. Văn hoá là món ăn tinh thần hấp dẫn, vừa thanh cao vừa gần gũi. Chức năng giáo dục được thực hiện một cách thuyết phục, sâu sắc, kín đáo tránh áp đặt, giáo huấn dài dòng, giáo điều gò ép. Chúng ta đã từng xem văn hóa như một mặt trận đấu tranh về tư tưởng và văn nghệ sĩ là chiến sĩ. Chân lý ấy đã tôn vinh văn hoá và ngày nay vẫn đúng. Tuy nhiên trong thời kỳ hòa bình văn hóa phải góp phần làm cho cuộc sống phong phú vui tươi, bồi đắp cho tâm hồn con người. Hoạt động văn hóa phải có chất lượng cao đem lại cho người đọc, người xem hứng thú. Phải tôn trọng công chúng và họ có quyền chọn lựa tác phẩm văn hoá văn nghệ cho mình. Ngày nay sự tiếp nhận và thưởng thức văn hóa phải theo tinh thần tự nguyện không như câu chuyện hài *Tinh thần thể dục* của Nguyễn Công Hoan. Phải thừa nhận một thực tế là hiện nay sự hưởng thụ văn hoá ở nước ta không đồng đều giữa các khu vực, thành thị hơn nông thôn, miền xuôi hơn miền ngược, kẻ giàu có hơn người nghèo khổ. Thực trạng đó là điều không công bằng. Trải qua nhiều năm chiến tranh đất nước lại nghèo khó nên phải thất

lưng buộc bụng. Những nhu cầu văn hoá chính đáng không dễ thực hiện. Người dân phải được đi học, được đọc sách, xem phim ảnh, chơi thể thao, có thú vui ẩm thực, thưởng thức âm nhạc, tham dự vui chơi giải trí ở các câu lạc bộ, đi du lịch. Trong phạm vi đời sống gia đình, mỗi nhà là một tổ ấm có phương tiện giải trí, nghe nhạc, xem truyền hình. Văn hóa phát triển theo trình độ sống, từ ăn no mặc ấm phải tiến lên ăn ngon mặc đẹp, đặc biệt là nhu cầu phát triển văn hóa. Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét: “Châu Âu xã hội phát triển nhanh nên có nhu cầu về nhiều mặt trong đó có nhu cầu thẩm mỹ từ *lettre* thành *belles lettres*, *art* thành *beaux arts*. Cuộc sống phát triển từ nhu cầu bình thường thành nhu cầu chọn lọc”. Trong những năm gần đây ở Việt Nam cuộc sống đã cải thiện nhiều nhưng mặt khác khi cuộc chiến tranh kết thúc, văn hoá hai miền thống nhất, giao lưu văn hoá với thế giới mở rộng thì nhu cầu văn hoá càng đa dạng nhiều màu vẻ hơn. Hưởng thụ văn hoá phải vui tươi, hứng thú phấn khởi thoải mái thị hiếu thẩm mỹ đa dạng. Không tránh khỏi trên đà trượt các giới hạn của thị hiếu nghệ thuật dễ bị vượt qua và tìm đến những thú vui xa lạ sau những năm bị ràng buộc trong nếp sống có phần khô khan.

Các chuyên ngành văn hóa ngày càng hỗ trợ cho nhau cho đa thanh đa sắc, đa giọng điệu. Người thưởng thức không chấp nhận sự đơn điệu. Công thức, quy phạm, mô phỏng, sao chép, giáo điều dễ tạo sự đơn điệu trong nghệ thuật. Phải tìm được sự phong phú trong cội nguồn, trong năng lực sáng tạo của tác giả. Khuynh hướng chung thường tìm đến sự liên kết giữa các nghệ thuật. Với loại nghệ thuật ngôn từ như ngâm thơ, đơn ca, thường có kết hợp với các hoạt động nghệ thuật khác như trình diễn cho thơ, minh họa của các vũ đoàn cho ca hát. Ngay trong thơ một thể loại thuần ngữ, Baudelaire cũng chủ trương sự tương hợp “*Les parfums les couleurs et les sons se répondent*” thì ở một sân khấu ca nhạc sẽ có đủ loại hình đua chen: ánh sáng, màu sắc, thời trang, dàn nhạc, nhảy múa, ca hát cùng phối hợp. Có trường hợp phối hợp thành công và cũng có trường hợp thiếu thuần nhất, phi nghệ thuật. Nhận xét về ca nhạc thành phố Hồ Chí Minh nhạc sĩ Ca Lê Thuận cho rằng với một số người nghe nhạc ngày nay trở thành *xem nhạc*. Các giác quan tiếp nhận và hưởng thụ cùng một lúc, nhưng vấn đề cơ bản của nhạc phải là nhạc, trình diễn thơ chủ yếu vẫn là thơ, không thể để mất cái chủ đạo. Trong các giác quan của con người như thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác thì thính giác và thị giác là quan trọng hơn cả. Đó là những giác quan mang ý nghĩa xã hội có khả năng tiếp nhận giao lưu với cuộc sống bên ngoài đem lại cho con người kinh nghiệm tri thức và hứng thú. Thính giác và thị giác cũng là những giác quan đặc biệt quan trọng cho sáng tác nghệ thuật. Tuy nhiên thính giác, thị giác hôm nay ở một lớp công dung cũng có yêu cầu tiếp nhận lạ hơn, cao hơn, thị giác phải *bắt mắt* phải ở mức *mãn nhãn*, thính giác phải ở mức hoà hợp, đa thanh đa sắc thái hoặc có lúc ở mức náo nhạc, hét nhạc. Một người mù từ tuổi nhỏ khó trở thành hoạ sĩ, một người điếc bẩm sinh khó trở thành nhạc sĩ. Nghe và nhìn là hai phạm vi tiếp nhận và sáng tạo gần gũi nhất, liên quan và có khả năng chuyên hóa tinh tế. Khi Xuân Diệu viết:

Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều

Trong vườn hoa mới thắm như kều

đã góp phần xác lập sự chuyên hóa giữa âm thanh với ánh sáng, màu sắc trong thi ca.

Trong hưởng thụ văn hóa, chủ thể tiếp nhận đều xem trọng cả thị giác và thính giác với những khả năng riêng hấp dẫn và sáng tạo của từng giác quan. Tuy nhiên cái để tạo nên giá trị văn hóa chính và trước hết là sự thống nhất, hòa hợp giữa chủ thể và khách thể. Sản phẩm văn hóa phải chứa đựng những phẩm chất *chân thiện mỹ* vốn được xem là chuẩn mực quen thuộc để định giá một tác phẩm văn học cũng như văn hóa. Vượt khỏi những giới hạn đó hưởng thụ văn hóa có thể phát triển theo nhiều hướng mà cái cần tránh là rơi vào tình trạng thiếu văn hóa. Khi nội dung chứa đựng những chất liệu bản năng, khi ý thức không còn tỉnh táo và tiềm thức chiếm đoạt cảm hứng sáng tác thì sẽ không còn hưởng thụ văn hóa theo nghĩa bình dị mà thanh cao và sản phẩm văn hóa lúc này cũng không còn là đối tượng cần tiếp nhận hưởng thụ⁽⁴⁾. Mỹ và phương Tây có những hoạt động giải trí gọi là văn hoá nhưng thực chất là kê cận với trò bản năng đòi truy như các loại múa thoát y, các trò chơi bạo lực... Với chúng ta trong nhiều thập kỷ chiến tranh, đất nước lại còn nghèo khổ nên vấn đề hưởng thụ văn hóa có nhiều hạn chế. Trong thời kỳ đổi mới với sự thay đổi về tư duy, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân đầy đủ sung túc hơn nên nhu cầu văn hóa cũng phát triển. Sau nhiều năm có phần o ép, chịu đựng khắc khổ nay mới có dịp bù đắp⁽⁵⁾. Chúng ta mở cửa và giao lưu văn hóa rộng rãi với nhiều nước nhất là lớp trẻ còn thiếu định hướng nên ô ạt tiếp nhận mà thiếu chọn lọc. Đoàn thanh niên có nhiều cố gắng nhưng chưa có nhiều thành tích trong khâu xây dựng nếp sống và thị hiếu văn hóa lành mạnh. Quả là nhiều năm chúng ta đã buông trôi việc giáo dục thị hiếu trong sáng, tốt đẹp cho văn học, văn hóa nghe nhìn.

Phải khôi phục nếp sống văn hóa lành mạnh. Văn hóa phải tươi vui bổ ích, có lý tưởng, có hưởng thụ nhưng không hưởng thụ văn hóa lệch lạc, xô bồ chạy theo nước ngoài(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 10/2008.

1. M. Goocki *Bàn về văn học*, 1965, tập II, tr.289.
2. C. Mac và Ph. Ängen *Toàn tập*, Hà Nội, 1995, tập 20, tr.146.
3. Ba tính *tham, sân, si* là ba cái gốc của mọi tội lỗi do dục vọng mà ra.
4. Trường hợp Kevin Rudd Chủ tịch công đảng đối lập ở Úc tới sàn nhảy đêm ở Manhattang tháng 5/2003 bị tố cáo đã vi phạm vì không tìm hãm được việc tiếp nhận đối tượng bằng mắt mà chuyển sang tiếp cận bằng xúc giác.
5. Trong nhiều năm chiến tranh, sắc đẹp và việc thi sắc đẹp ít được quan tâm. Năm 1988 báo *Tiền Phong* mở đầu việc thi hoa hậu và sau đó theo nhịp 2 năm một lần. Nhưng rồi việc tổ chức thi hoa hậu diễn ra dôn dập. Thi hoa hậu thể thao, hoa hậu biển, hoa hậu các dân tộc vùng cao, hoa hậu thời trang, hoa hậu người đẹp Việt Nam ở nước ngoài, hoa hậu hoàn vũ rồi hoa hậu quý bà đẹp và thành đạt (2009), rồi hoa hậu thế giới vào năm 2010.